

**CÔNG TY TNHH THỜI TRANG WOMAN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỜI TRANG WOMAN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: WOMAN FASHION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: WOMAN FASHION CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110055516

**3. Ngày thành lập:** 08/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 12, Tòa nhà Licogi 13, Số 164 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0339791132

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                           | 4631     |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm<br>Loại trừ kinh doanh thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                                                            | 4632     |
| 3.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4633     |
| 4.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào<br>Chi tiết: Hoạt động mua bán thuốc lá (trừ thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá nhập khẩu).                                                                                                                                                         | 4634     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                     | 4641     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác. -<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh.                                                                                                                           | 4649     |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                       | 4652     |
| 8.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Mua bán xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng và các sản phẩm liên quan.                                                                                                                                               | 4661     |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                  | 4663     |
| 10. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8292     |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Kinh doanh, khai thác và quản lý chợ;<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                         | 8299     |
| 12. | Hoạt động của các cơ sở thể thao<br>Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời (trong nhà hoặc ngoài trời có hoặc không có mái che, có hoặc không có chỗ ngồi cho khán giả) gồm đường đua ô tô, đua chó, đua ngựa, bể bơi và sân vận động. | 9311     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao<br>Chi tiết: Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp                                                                                                                                                                                            | 9312        |
| 14. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                                                                                                                   | 9321        |
| 15. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi giải trí (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề). - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên. - Dịch vụ trò chơi trực tuyến. | 9329        |
| 16. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                    | 6810        |
| 17. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Môi giới bất động sản                                                                                                                                                                            | 6820        |
| 18. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;                                                       | 7410        |
| 19. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                          | 7710        |
| 20. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại.                                                                                                                                                                    | 4719        |
| 21. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                               | 4721        |
| 22. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                | 4722        |
| 23. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                  | 4723        |
| 24. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá nhập khẩu).                                                                                                                                                       | 4724        |
| 25. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                                                                 | 1010        |
| 26. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                                                                         | 1020        |
| 27. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                    | 1030        |
| 28. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                                                                                                   | 1071        |
| 29. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                                                           | 1075        |
| 30. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng<br>Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai.                                                                                                                                                                           | 1104        |
| 31. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                  | 1410(Chính) |
| 32. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú<br>Chi tiết: Sản xuất sản phẩm làm từ da lông thú như: + Trang phục lông thú và phụ trang, + Các phụ kiện làm từ lông da như tấm, miếng lót, mảnh dài... + Các sản phẩm phụ khác từ da lông thú như thảm, đệm, mảnh đánh bóng công nghiệp.     | 1420        |
| 33. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                            | 1430        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)<br>Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển                                                                                                              | 4933 |
| 35. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5510 |
| 36. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                                          | 5610 |
| 37. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                       | 5621 |
| 38. | Hoạt động chiếu phim                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5914 |
| 39. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                  | 7721 |
| 40. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3312 |
| 41. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                         | 3313 |
| 42. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3314 |
| 43. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4101 |
| 44. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4102 |
| 45. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.                                                                 | 4752 |
| 46. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                               | 4771 |
| 47. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dầu hỏa, bình ga, than, củi sử dụng làm nhiên liệu để đun nấu trong gia đình; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh.<br>(Trừ súng đạn, tem và tiền kim khí) | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

## **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

## **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ BẢO HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 26/08/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 264399772

Ngày cấp: 06/02/2017

Nơi cấp: Công an tỉnh Ninh Thuận

Địa chỉ thường trú: *Khu phố 7, Phường Thanh Sơn, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Khu phố 7, Phường Thanh Sơn, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội